

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH NINH THUẬN**

**Phụ lục 03**

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH  
VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện, thành phố
A	B	1=2+3	2	3
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>7.542.330</b>	<b>5.251.260</b>	<b>2.291.070</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>4.975.509</b>	<b>2.685.505</b>	<b>2.290.004</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>973.689</b>	<b>781.189</b>	<b>192.500</b>
-	Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	325.789	325.789	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	372.500	180.000	192.500
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	73.500	73.500	
-	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương (vay từ nguồn chính phủ vay về cho vay lại)	201.900	201.900	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>3.830.376</b>	<b>1.778.513</b>	<b>2.051.863</b>
	<i>Trong đó:</i>			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.615.286	427.746	1.187.540
-	Chi khoa học và công nghệ	28.678	28.678	0
-	Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho huyện, thành phố thực hiện một số nhiệm vụ chi thường xuyên	7.939		7.939
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>4.972</b>	<b>4.972</b>	<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>95.472</b>	<b>49.831</b>	<b>45.641</b>
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>70.000</b>	<b>70.000</b>	<b>0</b>
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU (nguồn TW bổ sung có mục tiêu)</b>	<b>2.566.821</b>	<b>2.565.755</b>	<b>1.066</b>
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>592.528</b>	<b>592.528</b>	<b>0</b>
1	Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBDTTS&MN	351.982	351.982	
-	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	<i>153.059</i>	<i>153.059</i>	
-	<i>Vốn sự nghiệp</i>	<i>198.923</i>	<i>198.923</i>	
2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	145.466	145.466	

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện, thành phố
-	Vốn đầu tư phát triển	55.776	55.776	
-	Vốn sự nghiệp	89.690	89.690	
3	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	95.080	95.080	
-	Vốn đầu tư phát triển	68.730	68.730	
-	Vốn sự nghiệp	26.350	26.350	
<b>II</b>	<b>Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>1.895.700</b>	<b>1.895.700</b>	<b>0</b>
1	Vốn nước ngoài	517.000	517.000	
2	Vốn trong nước	1.378.700	1.378.700	
<b>III</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (kinh phí sự nghiệp)</b>	<b>78.593</b>	<b>77.527</b>	<b>1.066</b>
1	Vốn nước ngoài	0		
2	Vốn trong nước	78.593	77.527	1.066
2.1	Kinh phí thực hiện Đề án bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và Chi hội trưởng Phụ nữ giai đoạn 2019-2025	190	190	
2.2	Kinh phí hỗ trợ các Hội văn học nghệ thuật địa phương	442	442	
2.3	Kinh phí hỗ trợ các Hội Nhà báo địa phương	160	160	
2.4	Kinh phí thực hiện Chương trình trợ giúp xã hội và PHCN cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí; Chương trình phát triển công tác xã hội	200	200	
2.5	Vốn chuẩn bị động viên	20.000	20.000	
2.6	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ	2.000	2.000	
2.7	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	5.921	4.855	1.066
2.8	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ	33.054	33.054	
2.9	Bổ sung thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững	16.626	16.626	